

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - A phúc**

Bản án số: 15/2021/HS-PT

Ngày 05 - 02 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh

Bà Phạm Thị Thuý Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuý Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 129/2020/HS-PT ngày 21 tháng 11 năm 2020 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 64/2020/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Xuân Q, sinh ngày 26/10/1989, nơi sinh: Xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn U, Xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn N (tên khác: Bùi Xuân N); con bà: Trần Thị H; có vợ: Nguyễn Thị O và có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Hà Thị A, sinh ngày 18/8/1991, nơi sinh: Xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn T, Xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Mạnh G; con bà: Nguyễn Thị E; có chồng là Nguyễn Anh N1 và có 02 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 12/3/2020 Nguyễn Văn I, sinh năm 1992 ở xã F, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đăng nhập tài khoản facebook “Chuyên Táo Vĩnh Phúc” liên hệ với tài khoản facebook “A Ngọc” của Hà Thị A hỏi mua của A 04 tờ giấy khám sức khỏe giả với giá 80.000đ/tờ thì A đồng ý (I gửi thông tin về họ tên, số CMND, chiều cao, cân nặng và yêu cầu A viết mẫu vào 01 tờ giấy khám sức khỏe, còn 03 tờ để trống không ghi thông tin của người đề nghị khám sức khỏe) và hẹn ngày 16/3/2020 A đem 04 tờ giấy khám sức khỏe giả đến cổng công ty Thủy Lợi L thuộc Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L để bán cho I. Đến khoảng 08 giờ 55 phút ngày 16/3/2020 khi A và I đang trao đổi mua bán giấy khám sức khỏe giả tại cổng công ty Thủy Lợi L thì bị lực lượng Công an huyện L phát hiện và thu giữ vật chứng gồm: Thu giữ của I 04 tờ Giấy khám sức khỏe (ký hiệu lần lượt A1 đến A4 - có đặc điểm trên tờ Giấy khám sức khỏe ký hiệu A1, có ghi thông tin người khám bệnh là Nguyễn Văn I còn các tờ Giấy khám sức khỏe ký hiệu A2, A3, A4 phần thông tin cá nhân của người đề nghị khám sức khỏe để trống; trên phần nội dung khám của 04 tờ Giấy khám sức khỏe đều có chữ ký, họ tên của các bác sỹ liên quan, phần người kết luận có chữ ký của Phó giám đốc và có dấu tròn đỏ được đọc là “TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ VĨNH YÊN”) - I khai nhận đây là 04 tờ Giấy khám sức khỏe giả I vừa mua được của A; thu giữ trên tay A số tiền 400.000đ là tiền A vừa bán Giấy khám sức khỏe giả cho I mà có và thu giữ một số vật chứng khác.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Hà Thị A khai nhận nguồn gốc 04 tờ Giấy khám sức khỏe A bán cho I là do A mua lại của Bùi Xuân Q (trong đó có tờ Giấy khám sức khỏe ký hiệu A1 phần thông tin người khám sức khỏe là do Q viết). Ngoài lần bán giấy khám sức khỏe giả cho I bị cơ quan Công an huyện L phát hiện bắt quả tang thì ngày 11/3/2020 A còn bán cho I 01 tờ giấy khám sức khỏe giả, cụ thể như sau: Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 11/3/2020 A mua của Bùi Xuân Q 01 tờ giấy khám sức khỏe giả (có đặc điểm giống với 04 tờ giấy khám sức khỏe trên, phần thông tin người khám để trống, khi mua A chưa trả tiền cho Q), sau đó A đem đến Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L bán cho I với giá 90.000đ. Sau khi bán được giấy khám sức khỏe giả cho I, A đem tiền về trả cho Q 50.000đ.

Cùng ngày 16/3/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với nơi ở, đồ vật, tài sản đối với Bùi Xuân Q, kết quả: thu giữ tại ngăn tủ kính quán photo copy của Q 01 tờ giấy khám sức khỏe có ghi thông tin và địa chỉ người khám sức khỏe là Lê Thị Hồng A, 25 tuổi ở xã Z, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (niêm phong ký hiệu A5).

Tại cơ quan điều tra Bùi Xuân Q khai nhận: Do quen biết với Hà Thị A nên Q bảo A xem có ai mua Giấy khám sức khỏe giả thì Q bán cho A với giá 50.000đ/tờ để A đem đi bán lấy tiền chênh lệch. Ngày 11/3/2020 Q bán cho A 01 tờ giấy khám sức khỏe giả với giá 50.000đ và ngày 15/3/2020 Q bán cho A 04 tờ giấy khám sức khỏe giả (trong đó có 01 tờ Giấy khám sức khỏe có ghi thông tin người khám sức khỏe - Nguyễn Văn I là do A đọc thông tin cho Q viết) nhưng A chưa trả tiền cho Q. Ngoài ra, Q khai nhận: Khoảng đầu tháng 3/2020 Q còn bán 01 tờ giấy khám sức khỏe giả cho Lê Thị Hồng A ở xã Z, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc qua mạng xã hội. Tuy nhiên, Q chưa giao giấy khám sức khỏe cho chị A thì bị cơ quan công an khám xét khẩn cấp và thu giữ.

Ngày 01/5/2020 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Bản kết luận giám định số 975 kết luận:

“1- Hình dấu tròn có nội dung: “TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ VĨNH YÊN * SỞ Y TẾ VĨNH PHÚC” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1; A2; A3 và A4) so với các hình dấu tròn có cùng nội dung đóng trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1) là không phải do cùng một con dấu đóng ra, không phải dấu đóng trực tiếp và được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

2- Chữ ký mang tên: “BS. Trần Văn Đế; BS. Đỗ Thị Hưng và Bs. Phạm Thị Thanh Thảo” dưới mục: “Họ tên, chữ ký của bác sĩ” và chữ ký mang tên “P. GIÁM ĐỐC Kiều Đức Yên” dưới mục: “NGƯỜI KẾT LUẬN (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)” trên tài liệu giám định (ký hiệu: A1; A2; A3 và A4) so với chữ ký có cùng nội dung tương ứng của từng bác sĩ ký trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M2; M3; M4 và M5) là không phải do cùng một người ký ra, không phải chữ ký trực tiếp và được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

3- Hình dấu chức danh mang tên: “BS. Trần Văn Đế; Bs. Phạm Thị Thanh Thảo” và “P.GIÁM ĐỐC Kiều Đức Yên” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1; A2; A3 và A4) so với các hình dấu chức danh của từng các bác sĩ có cùng nội dung tương ứng đóng trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M2; M4 và M5) là không phải do cùng một con dấu đóng ra, không phải dấu đóng trực tiếp và được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

4- Chữ viết ở trang 01; chữ viết ở các mục: “I KHÁM THỂ LỰC”; “II KHÁM LÂM SÀNG”; “IV KẾT LUẬN” ở trang 2 và trang 3 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1) so với chữ viết Bùi Xuân Q trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M6, M7, M8) là do cùng một người viết ra.

Ngày 01/4/2020 Phòng KTHS công an tỉnh Vĩnh Phúc có Bản kết luận giám định số 664 kết luận:

“1- Hình dấu tròn có nội dung: “TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ VĨNH YÊN * SỞ Y TẾ VĨNH PHÚC” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A5)

so với các hình dấu tròn có cùng nội dung đóng trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1) là không phải do cùng một con dấu đóng ra, không phải dấu đóng trực tiếp và được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

2- Chữ ký mang tên: “BS. Trần Văn Đê; BS. Đỗ Thị Hưng và Bs. Phạm Thị Thanh Thảo” dưới mục: “Họ tên, chữ ký của bác sĩ” và chữ ký mang tên “P. GIÁM ĐỐC Kiều Đức Yên” dưới mục: “NGƯỜI KẾT LUẬN (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)” trên tài liệu giám định (ký hiệu: A5) so với chữ ký có cùng nội dung tương ứng của từng bác sỹ ký trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M2; M3; M4 và M5) là không phải do cùng một người ký ra, không phải chữ ký trực tiếp và được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

3- Hình dấu chức danh mang tên: “BS. Trần Văn Đê; Bs. Phạm Thị Thanh Thảo” và “P.GIÁM ĐỐC Kiều Đức Yên” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A5) so với các hình dấu chức danh của từng các bác sỹ có cùng nội dung tương ứng đóng trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M2; M4 và M5) là không phải do cùng một con dấu đóng ra, không phải dấu đóng trực tiếp và được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

4- Chữ viết ở trang 01; chữ viết ở các mục: “I KHÁM THỂ LỰC”; “II KHÁM LÂM SÀNG”; “IV KẾT LUẬN” ở trang 2 và trang 3 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A5) so với chữ viết Bùi Xuân Q trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M6, M7, M8) là do cùng một người viết ra.

Về nguồn gốc số giấy khám sức khỏe giả trên Q khai nhận: Vào đầu tháng 3/2020 tại quán photo copy của Q, Q mua của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ 05 tờ giấy khám sức khỏe giả với số tiền 200.000đ và được người đàn ông này cho thêm 01 tờ giấy khám sức khỏe giả. Q không biết tên tuổi, địa chỉ của người đàn ông này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

Đối với Nguyễn Văn I là người mua giấy khám sức khỏe của Hà Thị A mục đích sử dụng để làm hồ sơ xin làm công nhân. Ngày 11/3/2020 I mua của A 01 tờ giấy khám sức khỏe giả nhưng đã làm mất. Ngày 16/3/2020 I mua của A 04 tờ giấy khám sức khỏe giả nhưng chưa sử dụng thì bị công an thu giữ. Hiện nay không triệu tập được I lên làm việc. Cơ quan điều tra đã truy tìm và tiến hành xác minh tại xã F, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng I không có lý lịch, địa chỉ như I khai báo, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Đối với Lê Thị Hồng A là người hỏi mua Giấy khám sức khỏe giả của Q. Quá trình điều tra xác định mục đích mua để làm công nhân, nhưng A chưa thanh toán tiền cho Q và chưa nhận được Giấy khám sức khỏe giả của Q nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 64/2020/HSST ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Bùi Xuân Q, Hà Thị A phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 341, Điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Xuân Q 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 341, Điểm n, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hà Thị A 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 08/10/2020 bị cáo Hà Thị A kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 12/10/2020 bị cáo Bùi Xuân Q kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Xuân Q và Hà Thị A sửa bản án sơ thẩm số: 64/2020/HSST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng giữ nguyên hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Xuân Q và Hà Thị A làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc KI nại gì, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Xuân Q và Hà Thị A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, hợp pháp. Từ đó có đủ cơ sở để xác định:

Đầu tháng 3/2020, Bùi Xuân Q mua của một người không quen biết 06 tờ giấy khám sức khỏe giả mục đích để bán kiếm lời. Sau đó Q rủ Hà Thị A tham gia bán giấy khám sức khỏe giả. Ngày 11/3/2020, A mua của Q 01 tờ giấy khám sức khỏe giả và ngày 15/3/2020, A mua của Q 04 tờ giấy khám sức khỏe giả với giá 50.000đ/1 tờ và đem bán cho Nguyễn Văn I ở thị trấn L, huyện L 01 tờ với giá 90.000đ, 04 tờ với giá 80.000đ/1 tờ để kiếm lời thì bị bắt quả tang. Cơ quan công an tiến hành khám xét khẩn cấp đối với Bùi Xuân Q phát hiện thu giữ tại quán photo copy của Q 01 tờ giấy khám sức khỏe giả, Q khai nhận là tờ giấy khám sức khỏe giả của Q mục đích bán cho chị Lê Thị Hồng A nhưng Q chưa nhận tiền và chưa kịp giao cho chị A thì bị cơ quan công an thu giữ.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Bùi Xuân Q và Hà Thị A về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Bùi Xuân Q và Hà Thị A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Chỉ vì lợi ích trước mắt của mình mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật để dẫn tới phạm tội. Các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý giấy tờ, tài liệu, đặc biệt hơn là làm ảnh hưởng đến uy tín và sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan hành chính Nhà nước, gây tâm lý bức xúc cho người dân và gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, bản án sơ thẩm đã xét xử và quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tự nguyện khai báo, tự nguyện đến cơ quan điều tra tự thú, khai báo về hành vi phạm tội trước đó, giao nộp vật chứng; bị cáo A khi phạm tội đang có thai và có mẹ để được Nhà nước tặng thưởng Giấy khen, Bằng khen; bị cáo Q có bố để được tặng thưởng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang nên bị cáo Q được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo A được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Q cung cấp tài liệu, chứng cứ mới là Giấy xác nhận của Công an huyện S về việc ngày 25/12/2020 bị cáo đã lập công giúp Công an huyện bắt quả tang đối tượng Nguyễn Văn Liên có hành vi mua bán trái

phép chất ma túy và Đơn xác nhận của UBND Xã Đ, huyện S về hoàn cảnh khó khăn, đang phải nuôi hai con nhỏ ăn học, bị cáo đang là lao động chính trong gia đình. Do đó, bị cáo Q được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Hà Thị A cung cấp tài liệu về việc bị cáo mới sinh con ngày 24/11/2020, hiện nay bị cáo đang phải nuôi 02 con nhỏ (trong đó con lớn mới được 04 tuổi, con nhỏ mới được 02 tháng 10 ngày); Xác nhận của Ủy ban nhân dân Xã Y, huyện S về hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng không có công ăn việc làm, con nhỏ thường xuyên đau ốm.

Xét thấy hành vi bán Giấy khám sức khỏe của các bị cáo cho các đối tượng hoàn thiện hồ sơ để xin đi làm công nhân, số tiền các bị cáo thu lời bất chính không lớn (410.000đ); trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hiện các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn và đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà có thể cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương nơi gia đình các bị cáo cư trú cũng có thể giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Xuân Q và Hà Thị A, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho các bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ cần được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Xuân Q và Hà Thị A; sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 64/2020/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân Q 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 04 (Bốn) năm 4 (Bốn) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hà Thị A 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo, thử thách 04 (Bốn) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Xuân Q cho Ủy ban nhân dân Xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; giao bị cáo Hà Thị A cho Ủy ban nhân dân Xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo nếu có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Bùi Xuân Q và Hà Thị A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện L;
- TAND huyện L;
- Công an huyện L;
- UBND Xã Đ; Y, huyện L, Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà